*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

Bài 23

NHẬT BẢN

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,

DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI NHẬT BẢN

(02 tiết)

# I. MỤC TIÊU

**1. Về kiến thức**

- Trình bày những đặc điểm nổi bật về vị trí địa lý của Nhật Bản.

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế-xã hội.

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung:**

**-** Năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**\* Năng lực đặc thù:**

**-** Nhận thức khoa học Địa lí: xác định được vị trí, ảnh hưởng và giải thích được tác động của vị trí của các mảng kiến tạo ảnh hưởng đến tự nhiên của Nhật Bản.

**-** Tìm hiểu Địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học về Nhật Bản.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ học tập hàng ngày, rèn nề nếp học tập chủ động...học hỏi những đức tính tốt đẹp của người dân Nhật Bản.

- Trách nhiệm trong việc học tập, lập thân, lập nghiệp đóng góp cho tổ quốc.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

# Giáo viên

* Bảng số liệu số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Nhật Bản, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Nhật Bản
* Bản đồ tự nhiên Tự nhiên Nhật Bản, Phân bố dân cư và một số đô thị ở Nhật Bản
* Các hình ảnh, video về Nhật Bản
* Phiếu học tập làm việc nhóm
* Bài trình chiếu

# Học sinh

* Giấy note để làm việc cá nhân
* Bút màu để làm việc nhóm
* Sách giáo khoa và vở ghi
* Dụng cụ truy cập Internet,
* Cài đặt Google Earth trên thiết bị điện tử………….

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5 phút)**

1. *Mục tiêu:* Tạo không khí sôi nổi, hứng thú vào tiết học mới, tìm hiểu ý nghĩa tên gọi của đất nước Nhật Bản
2. *Nội dung:* Cả lớpsử dụng thiết bị kết nối Internet (hoặc GV giao nhiệm vụ ở nhà trước) tìm hiểu về ý nghĩa tên gọi của đất nước Nhật Bản <https://fantasea.vn/y-nghia-cac-ten-goi-cua-dat-nuoc-nhat-ban/>

*c) Sản phẩm:* Phần trả lời của HS.

| **Ý nghĩa các tên gọi của đất nước Nhật Bản**  1/ Xứ Phù Tang  Từ lâu, “xứ Phù Tang” mặc nhiên trở thành một từ người Việt dùng để chỉ Nhật Bản. Theo từ điển song ngữ Nhật – Việt do Onochi Seiji biên soạn và phát hành năm 1979, “Phù Tang” được giải thích với ba nghĩa: là cây mặt trời (thần thoại), phía đông và đất nước mặt trời mọc (Nhật Bản). Theo truyền thuyết cổ phương Đông, cây dâu rỗng lòng gọi là Phù Tang hay Khổng Tang. Khi thần Mặt Trời cưỡi xe lửa du hành ngang qua bầu trời từ Đông sang Tây, ngài đã dừng lại dưới gốc cây phù tang. Trong văn học cổ, Phù Tang cũng được dùng chỉ nơi mặt trời mọc.  2/ Đất nước mặt trời mọc  Theo cách hiểu của nhiều người, Nhật Bản nằm ở cực đông châu Á nên sẽ là nơi đón bình minh đầu tiên của châu lục. Do đó, không khó hiểu khi “đất nước mặt trời mọc” là tên gọi khác phổ biến nhất của quốc gia này. Thực tế, chữ kanji trong quốc hiệu Nhật Bản nghĩa là “gốc của Mặt Trời”, và người dân quốc gia này từ lâu rất coi trọng hình tượng mặt trời. Theo tài liệu cổ Nihon Shoki, các Thiên hoàng Nhật Bản còn được coi là hậu duệ của nữ thần Mặt trời Amaterasu.  3/ Xứ sở hoa anh đào  Với người Nhật, hoa anh đào tượng trưng cho sắc đẹp, sự mong manh và trong trắng. Vốn là loại hoa “thoắt nở thoắt tàn”, hoa anh đào tượng trưng cho “con đường chết” của các võ sĩ đạo Nhật Bản – samurai sống và chết như hoa anh đào.  Dù không được chính thức công nhận là quốc hoa, hoa anh đào vẫn giữ một vị trí đặc biệt với người Nhật Bản. Hình ảnh hoa anh đào xuất hiện trong những bộ trang phục truyền thống, ẩm thực, các họa tiết trang trí, hay đồng xu 100 yen và tờ tiền giấy 1.000 yen. Cũng vì những lý do này, Nhật Bản còn được gọi là xứ sở hoa anh đào. |
| --- |

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS sử dụng thiết bị kết nối Internet (hoặc GV giao nhiệm vụ ở nhà trước) tìm hiểu về ý nghĩa tên gọi của đất nước Nhật Bản

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân/ cặp đôi trong thời gian 2 phút

**- Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS xung phong trình bày.

**- Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp và dẫn dắt vào bài mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (70 phút)**

# Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

*a) Mục tiêu:* Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lý đến phát triển kinh tế-xã hội Nhật Bản.

*b) Nội dung:* Hoạt động theo kĩ thuật Think – Pair – Share, cá nhân, khai thác bản đồ tự nhiên Nhật Bản và thông tin trong SGK.

*c) Sản phẩm:*

| **I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ** |
| --- |
| * Diện tích đất: khoảng 378,0 nghìn km2 * Nằm ở phía đông bắc của châu Á * Là đất nước quần đảo gồm hàng nghìn đảo, trong đó bốn đảo lớn nhất la Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. * Vĩ độ từ 20°B đến 45°B * Kinh độ từ 123°Đ đến 154°Đ. * Tiếp giáp   + Phía đông và phía nam giáp Thái Bình Dương  + Phía tây giáp biển Nhật Bản  + Phía bắc giáp biển Ô-khốt.  **\* Đánh giá**   * Nhật Bản nằm trong khu vực phát triển kinh tế năng động châu Á - Thái Bình Dương, thuận lợi cho giao thương quốc tế và phát triển kinh tế. * Có nhiều điều kiện xây dựng các hải cảng, phát triển tổng hợp kinh tế biển. * Nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương nên chịu tác động của nhiều thiên tai, nhất là động đất và sóng thần, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất. |

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** Cá nhân – HS quan sát bản đồ tự nhiên Nhật Bản, đọc SGK và trả lời các nội dung sau (chỉ được trên bản đồ)

*- Diện tích đất: ……….*

*- Nằm ở phía …………….. của ……………….*

*- Là đất nước …………. gồm hàng nghìn đảo, trong đó……….. đảo lớn nhất là ……………………….*

*- Vĩ độ từ ……….. đến ………..*

*- Kinh độ từ …….. đến ………*

*- Tiếp giáp*

*+ Phía đông và phía nam giáp ……………….*

*+ Phía tây giáp ……..……………………*

*+ Phía bắc giáp ………..…………..*

**+ Nhiệm vụ 2:** Kỹ thuật Think – Pair – Share: Đánh giá ảnh hưởng của vị trí địa lý đến phát triển kinh tế-xã hội Nhật Bản.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** HS làm việccá nhân: quan sát bản đồ tự nhiên Nhật Bản, đọc SGK và trả lời trong giấy note/ giấy nháp trong thời gian 2 phút.

**+ Nhiệm vụ 2:** HS làm việc cá nhânThink: 1 phút – Chia sẻ với bạn Pair: 2 phút – Trình bày trước lớp Share: 2 phút.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ HS đổi giấy note cho bạn bên cạnh, GV gọi HS bất kỳ lên bảng chỉ trên bản đồ và đọc sản phẩm trong nhiệm vụ 1, cho thang điểm, HS dưới lớp quan sát, nhận xét, chấm điểm cho bạn (điểm tối đa là 5 điểm theo thang điểm dưới đây)

| * Diện tích đất: khoảng 378,0 nghìn km2 *(0,5 điểm)* * Nằm ở phía đông bắc của châu Á*(0,5 điểm)* * Là đất nước quần đảo*(0,5 điểm)* gồm hàng nghìn đảo, trong đó bốn đảo lớn nhất la Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. *(1 điểm)* * Vĩ độ từ 20°B đến 45°B *(0,5 điểm)* * Kinh độ từ 123°Đ đến 154°Đ. *(0,5 điểm)* * Tiếp giáp   + Phía đông và phía nam giáp Thái Bình Dương. *(0,5 điểm)*  + Phía tây giáp biển Nhật Bản. *(0,5 điểm)*  + Phía bắc giáp biển Ô-khốt. *(0,5 điểm)* |
| --- |

+ HS trình bày trước lớp theo nội dung của nhiệm vụ 2

**- Kết luận, nhận định:**

+ Gv kết hợp phiếu chấm nhiệm vụ 1 cho điểm các HS tích cực, xuất sắc trong hoạt động 1 (điểm tối đa của nhiệm vụ 2 là 5 điểm)

+ GV cho HS xem hình ảnh/ video về các thiên tai của Nhật Bản và giải thích lý do nằm ở vị trí giữa các mảng kiến tạo. <https://www.youtube.com/watch?v=hBN5bcChdhY> <https://www.youtube.com/watch?v=LprJaznzKX4>

# Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

*a) Mục tiêu:* Trình bày những đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản. Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng đến phát triển kinh tế-xã hội Nhật Bản.

*b) Nội dung:* Hoạt động theo kỹ thuật nhóm mảnh ghép khai thác bản đồ tự nhiên Nhật Bản và thông tin trong SGK để trình bày và phân tích các ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản.

*c) Sản phẩm:*

| **II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN** |
| --- |
| **1. Địa hình và đất**  - Nhiều đồi núi - chiếm khoảng 4/5 diện tích, phần lớn là núi trẻ, có độ cao trung bình từ 1 500 - 2 000 m, địa hình bị cắt xẻ phức tạp. 🡪 giao thông khó khăn.   * Có rất nhiều núi lửa, chiếm khoảng 10% núi lửa đang hoạt động trên thế giới. * Đất pốt đôn, đất nâu,... 🡪 phát triển rừng và chăn nuôi.   - Đồng bằng nhỏ hẹp và phân bố ven biển 🡪 diện tích đất canh tác ít.  **2. Khí hậu**   * Khí hậu ôn đới gió mùa; lượng mưa trên 1.000 mm/năm. * Khí hậu Nhật Bản phân hoá rõ rệt theo chiều bắc – nam, đông – tây và độ cao địa hình.   🡪 Thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân cơ cấu cây trồng, vật nuôi và mùa vụ đa dạng, tài nguyên du lịch phong phú.  **3. Sông, hồ**   * Mạng lưới sông ngòi khá dày, đa số các sông đều ngắn, dốc và có tốc độ chảy lớn. 🡪 có giá trị về thuỷ điện nhưng hạn chế về mặt giao thông.   - Nhật Bản có nhiều hồ, nhiều hồ có cảnh quan đẹp có thể khai thác để phục vụ du lịch.  **4. Sinh vật**   * Sinh vật khá phong phú, có các kiểu rừng: rừng lá kim, rừng lá rộng, rừng nhiệt đới. 🡪 là tài nguyên quan trọng, cơ sở để phát triển ngành lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ.   **5. Khoáng sản**   * Nghèo tài nguyên khoáng sản. 🡪 phải nhập khẩu phần lớn khoáng sản để phục vụ cho các ngành công nghiệp. * Nhật Bản có nhiều suối khoáng nóng tự nhiên để phát triển du lịch, nhất là du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh.   **6. Biển**   * Có đường bờ biển dài, vùng biển rộng, phần lớn biển không đóng băng, bờ biển bị chia cắt tạo thành nhiều vũng vịnh 🡪 thuận lợi để xây dựng các cảng biển. * Vùng biển có tính đa dạng sinh học cao do nằm ở nơi giao nhau của dòng biển nóng và dòng biển lạnh 🡪 có nhiều ngư trường lớn, thuận lợi phát triển ngành khai thác thuỷ sản. * *Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản không thực sự thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.* |

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** HS tự thành lập 5/10 nhóm học tập – tương ứng hoạt động là 5 nhóm CHUYÊN GIA, GV phát PHT, các nhóm thảo luận hoàn thành nội dung theo phân công: Tìm hiểu về thành phần tự nhiên theo phân công gồm các nhiệm vụ: đặc điểm tự nhiên, xác định/ chỉ trên bản đồ các đối tượng liên quan, phân tích ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên đó đến kinh tế, xã hội của Nhật Bản.

* Nhóm 1: Tìm hiểu về địa hình và đất
* Nhóm 2: Tìm hiểu về khí hậu
* Nhóm 3: Tìm hiểu về sông, hồ
* Nhóm 4: Tìm hiểu về sinh vật, khoáng sản
* Nhóm 5: Tìm hiểu về biển

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**+ VÒNG CHUYÊN GIA:** Các nhóm thảo luận hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 3 phút, mỗi chuyên gia ghi chú sản phẩm của nhóm mình vào giấy note/ giấy nháp của cá nhân.

**+ VÒNG MẢNH GHÉP:** thành viên các nhóm tự đánh số cho cá nhân từ 1 đến 5, nếu dư ra lại xoay vòng về số 1. Sau khi các nhóm hoàn thành đánh số, học sinh sẽ di chuyển, các cá nhân số 1 gom thành 1 cụm, số 2 gom thành 1 cụm,… hình thành 5 nhóm mới/ 1 cụm.

Diagram

Description automatically generated

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ Mỗi nhóm mới sẽ nhận 1 phiếu học tập, nhóm mới nghe THÀNH VIÊN ở vòng chuyên gia sẽ báo cáo, các thành viên mới ghi nhận, nhận xét, thắc mắc (nếu có)

+ Mỗi chuyên gia có 1 phút trình bày nội dung của cá nhân, chỉ trên bản đồ.

+ Cả nhóm mới sẽ hoàn thành phiếu học tập chung của cả nhóm trong thời gian 5 phút

| **PHIẾU HỌC TẬP NHÓM MẢNH GHÉP** |
| --- |
| **1. Địa hình và đất**  - Nhiều ………. - chiếm khoảng 4/5 diện tích, phần lớn là ………., có độ cao trung bình từ 1 500 - 2 000 m, địa hình bị ………….phức tạp. 🡪 ……… khó khăn.   * Có rất nhiều ………., chiếm khoảng 10% núi lửa đang hoạt động trên thế giới. * Đất pốt đôn, đất nâu,... 🡪 phát triển ……………..và ……………   - Đồng bằng ……………. và phân bố ven biển 🡪 diện tích đất canh tác ………  **2. Khí hậu**   * Khí hậu …………; lượng mưa trên 1.000 mm/năm. * Khí hậu Nhật Bản ……………. theo chiều bắc – nam, đông – tây và độ cao địa hình.   🡪 Thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân cơ cấu cây trồng, vật nuôi và mùa vụ ………, tài nguyên du lịch ………….  **3. Sông, hồ**   * Mạng lưới sông ngòi ……, đa số các sông đều ………..,………… và có tốc độ chảy lớn. 🡪 có giá trị vế …….. nhưng hạn chế về mặt …………….   - Nhật Bản có nhiều hồ, nhiều hồ có cảnh quan đẹp có thể khai thác để phục vụ ………  **4. Sinh vật:** Sinh vật khá …………, có các kiểu rừng: ………….. 🡪 là tài nguyên quan trọng, cơ sở để phát triển ngành………..và công nghiệp chế biến……..  **5. Khoáng sản**   * ……. tài nguyên khoáng sản. 🡪 phải ……… phần lớn khoáng sản để phục vụ cho các ngành công nghiệp. * Nhật Bản có nhiều ……….. tự nhiên để phát triển du lịch, nhất là du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh.   **6. Biển**   * Có đường ……….., vùng biển rộng, phần lớn biển không đóng băng, bờ biển bị chia cắt tạo thành nhiều ……….. 🡪 thuận lợi để xây dựng các ………….. * Vùng biển có tính đa dạng sinh học cao do nằm ở nơi giao nhau của dòng biển nóng và dòng biển lạnh 🡪 có nhiều ………….. lớn, thuận lợi phát triển ngành …….. thuỷ sản. * *Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản ………. thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.* |

+ GV gọi HS bất kỳ trình bày lần lượt từng đặc điểm, chỉ trên bản đồ.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV mở rộng về Nhật Bản, hỏi về món ăn truyền thống của Nhật Bản và yêu cầu HS giải thích nguyên nhân tại sao.

| Japanese Vulcanoes | Kaggle | https://www.i-resort.vn/FileStorage/Article/Image/hinhmoi_1.jpg | Vì Sao Người Nhật Thích Ăn Đồ Sống - Mua Đồ Sống Nhập Khẩu Tại Đâu ? – Hải  Sản Kỳ Hà |
| --- | --- | --- |
| Nhật Bản là đất nước có nhiều núi lửa đang hoạt động do nằm trong vành đai lửa Thái Bình Dương. | Nhật Bản có nhiều suối nước nóng rất thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.  <https://www.i-resort.vn/tim-hieu-van-hoa-tam-suoi-nuoc-nong-onsen-nhat-ban-55-26-2-article.html> | Các món ăn truyền thống như Sashimi, Sushi… được chế biến từ cá do Nhật Bản có ngư trường lớn, rất phát triển ngành đánh bắt thủy sản. |

+ GV phát phiếu học tập cá nhân cho mỗi HS hoặc kẻ bảng để học sinh hoàn thành vào vở

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

# Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

*a) Mục tiêu:*

- Nhận xét sự thay đổi về số dân, tỉ lệ gia tăng dân số và cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên của Nhật Bản năm 2000 và năm 2020, sự phân bố dân cư và các đô thị lớn của Nhật Bản.

- Trình bày những đặc điểm về dân cư Nhật Bản.

- Phân tích các đặc điểm dân cư có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế-xã hội của Nhật Bản.

*b) Nội dung:* Hoạt động cả lớp, cá nhân, khai thác bảng số liệu, bản đồ phân bố dân cư và đô thị Nhật Bản và thông tin trong SGK.

*c) Sản phẩm:*

| **III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI** |
| --- |
| **1. Dân cư**   * Đông dân: 126,2 triệu người (năm 2020), đứng thứ 11 thế giới 🡪 có một thị trường tiêu thụ nội địa mạnh * Tỉ lệ tăng dân số Nhật Bản rất thấp, dưới 0% từ năm 2008 và năm 2020 là -0,3%. * Thành phần dân tộc khá đồng nhất. * Nhật Bản có số nam ít hơn số nữ, cơ cấu dân số già, tuổi thọ trung bình cao nhất thế giới. 🡪 Thiếu hụt về lực lượng lao động trong tương lai, tạo ra sức ép lên hệ thống phúc lợi xã hội và giảm khả năng cạnh tranh kinh tế của Nhật Bản. * Có mật độ dân số cao: 338 người/km2 (năm 2020), phân bố không đều. * Nhật Bản có tỉ lệ dân thành thị cao (91,8% năm 2020), Tô-ky-ô là vùng đô thị lớn nhất thế giới (năm 2020) * Mức sống của người dân đô thị cao, cơ sở hạ tầng hiện đại, các đô thị đồng thời là các trung tâm kinh tế, văn hoá. Tuy nhiên, dân cư tập trung với mật độ cao ở các vùng đô thị cũng nảy sinh các vấn đề về nhà ở, việc làm,...   **2. Xã hội**   * Phong tục tập quán độc đáo và nền văn hoá đặc sắc, người Nhật trân trọng và bảo tồn các nét đẹp văn hoá truyền thống, các lễ hội 🡪 góp phần phát triển ngành du lịch của Nhật Bản. * Người dân Nhật Bản rất chăm chỉ, có tính kỉ luật và tinh thần trách nhiệm cao. * Người dân Nhật Bản có chất lượng cuộc sống cao; chỉ số HDI của Nhật Bản thuộc nhóm rất cao, đạt 0,923 năm 2020. |

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** Cá nhân:Gv chia lớp thành 4 nhóm, HS trong mỗi nhóm làm việc cá nhân:

* Nhóm 1: nhận xét bảng Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Nhật Bản, giai đoạn 2000 – 2020.

**Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Nhật Bản, giai đoạn 2000 - 2020**

| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** | **2020** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số dân (triệu người) | 126,9 | 127,7 | 128,0 | 127,0 | 126,2 |
| Tỉ lệ gia tăng dân số (%) | 0,18 | 0,13 | 0,03 | -0,09 | -0,30 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Nhật Bản, 2022 và prb.org, 2021)*

* Nhóm 2: nhận xét bảng 23.1 phần cơ cấu dân số.
* Nhóm 3: xác định trên bản đồ dân cư và đô thị các đô thị lớn và khu vực có mật độ dân số cao.
* Nhóm 4: nhận xét bảng 23.2

**+ Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: Trình bày những đặc điểm về dân cư Nhật Bản, cho biết đặc điểm dân cư có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế-xã hội của Nhật Bản.

**+ Nhiệm vụ 3:** Cá nhân: sưu tầm những nét đặc trưng về văn hóa Nhật Bản: tranh ảnh, video, câu chuyện....

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** HS trong mỗi nhóm làm việc cá nhân – thời gian thực hiện 2 phút.

**+ Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: HS liệt kê các đặc điểm về dân cư Nhật Bản theo kỹ thuật tia chớp trong thời gian 2 phút.

**+ Nhiệm vụ 3:** Cá nhân: HS sưu tầm ở nhà những nét đặc trưng về văn hóa Nhật Bản: tranh ảnh, video, câu truyện....và sắp xếp trình bày trên lớp.

**- Báo cáo, thảo luận:**

**+ Nhiệm vụ 1:** Gv lần lượt gọi HS lên bảng, chỉ trên bảng số liệu đã phóng to phần nhận xét và kết luận của bản thân, cả lớp bổ sung, GV so sánh với dân số của Việt Nam.

**+ Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: HS liệt kê các đặc điểm về dân cư Nhật Bản theo kỹ thuật tia chớp trong thời gian 2 phút, GV viết nhanh các đặc điểm này trên bảng 🡪 phân tích các đặc điểm dân cư đó có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế-xã hội của Nhật Bản. GV liên hệ vấn đề xuất khẩu lao động Việt Nam sang Nhật Bản.

**+ Nhiệm vụ 3:** Cá nhân: HS trình bày bộ sưu tập, 

+ GV mở rộng về các gian hàng không người canh của Nhật, những người mua đến tự cân, trả tiền để làm nổi bật đức tính của người dân Nhật Bản.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV cho Hs xem hình ảnh và thông tin về những nét đặc sắc về văn hóa của Nhật Bản.

| Ikebana - Nghệ thuật cắm hoa Nhật Bản | Thật Không Ngờ Với Tác Dụng Của Nghệ Thuật Gấp Giấy Origami Với Sức Khỏe | Nhu đạo Judo - môn võ thuật của người Nhật Bản |
| --- | --- | --- |
| Bộ môn cắm hoa Ikebana | Nghệ thuật gấp giấy Origami. | Nhu đạo Judo - môn võ thuật của người Nhật Bản |

+ Gv nhận xét, chốt ý, cho điểm các HS hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ HS ghi bài.

**Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)**

*a) Mục tiêu:* Tạo hứng thú, xác định những nội dung HS chưa nắm vững và có hướng bổ sung.

*b) Nội dung:* HS chơi trò chơi Hỏi nhanh – đáp gọn

*c) Sản phẩm:*

| **CÂU HỎI** |
| --- |
| 1. *Nhật Bản nằm ở phía tây của Thái Bình Dương, ngoài khơi bờ biển phía đông của lục địa châu Á.* 2. *Địa hình của Nhật Bản có nhiều núi, ít đồng bằng.* 3. *Dân số của Nhật Bản trong những năm gần đây bị giảm.* 4. *Thủ đô của nó là Tokyo* 5. *Đơn vị tiền tệ (tiền): Yên* 6. *Các môn thể thao quốc gia của Nhật là đấu vật Karate, judo và sumo. (chỉ cần 1 môn)* 7. *Động đất thường xuyên xảy ra ở Nhật Bản, vì vậy nhiều tòa nhà cao tầng được làm bằng thép vì nó bị uốn cong trong các trận động đất. Nhiều ngôi nhà nhỏ hơn được làm bằng bê tông nên không có nhiều mảnh vụn.* 8. *Người Nhật có phong tục cởi giày khi vào nhà.* 9. *Các lễ hội của Nhật Bản bao gồm Lễ hội hoa diên vĩ hoặc Ngày thiếu nhi được tổ chức vào ngày 5 tháng 5.* 10. *Vì nhiều núi nên có rất ít đất canh tác.* |

*d) Tổ chức thực hiện:*

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Hỏi nhanh – đáp gọn
* **Thực hiện nhiệm vụ:** GV trình chiếu các câu hỏi, HS trả lời nhanh hoặc điền từ còn thiếu vào chỗ trống.
* **Báo cáo, thảo luận:** Thảo luận những câu còn vướng mắc.
* **Kết luận, nhận định:** Tổng kết trò chơi, bài học
* **Phương án 2:**
* Gv cho Hs gọi tên/ trình bày sơ lược về các đặc trưng của Nhật bản với các hình ảnh cho sẵn.

| Mục này có hình ảnh của: PostCrossing Sent to China | https://i.pinimg.com/564x/3c/f3/30/3cf3300181f71d8bab2f8d84018f39e0.jpg |
| --- | --- |

* **Phương án 3:**

**Cho Hs chơi trò chơi Online** [**https://wordwall.net/vi/resource/25144461**](https://wordwall.net/vi/resource/25144461)

**Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**

*a) Mục tiêu:* Hướng dẫn HS tự học, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện năng lực tự chủ, tự học.

*b) Nội dung:* HS lập bảng thống kê kiến thức, sưu tầm và viết 1 đoạn văn ngắn về con người Nhật Bản (Link phần phụ lục)

*c) Sản phẩm:* bài làm của HS

*d) Tổ chức thực hiện:*

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm

**+ Nhiệm vụ 1:** Lựa chọn một điều kiện tự nhiên hoặc tài nguyên thiên nhiên và hoàn thành thông tin theo bảng sau:

| **Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế-xã hội** |
| --- | --- | --- |
| ? | ? | ? |

**+ Nhiệm vụ 2:** Hãy sưu tầm thông tin và viết một đoạn văn ngắn tìm hiểu về đặc điểm nguồn lao động của Nhật Bản.

**GV công bố tiêu chí đánh giá bài viết**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Điểm** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **1** | Bố cục bài viết hợp lí: Mở bài, thân bài, kết bài. |  |  |  |  |  |
| **2** | Nêu được ít nhất 3 đặc trưng cơ bản của người Nhật Bản, lấy được ví dụ minh họa. |  |  |  |  |  |
| **3** | Phân tích được ảnh hưởng của các đặc điểm nguồn lao động của Nhật Bản đến kinh tế xã hội. |  |  |  |  |  |
| **4** | Liên hệ được những bài học kinh nghiệm rút ra cho bản thân và hướng rèn luyện để hoàn thiện. |  |  |  |  |  |
| **5** | Chữ viết rõ, dễ đọc, thể hiện tính thẩm mỹ cao. Hoặc đánh máy khung văn bản rõ ràng, ý gọn, nộp đúng thời hạn |  |  |  |  |  |

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu.
* **Báo cáo, thảo luận:** Gv cho HS xung phong trình bày vào thời gian thích hợp.
* **Kết luận, nhận định:** Nhận xét, rút kinh nghiệm, cho điểm

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

**V. PHỤ LỤC**

**1/ Câu hỏi và bài tập**

**Câu 1.** Biểu hiện nào sau đây nói lên người Nhật ham học?

**A.** Có tinh thần trách nhiệm cao. **B.** Tận dụng thời gian cho công việc.

**C.** Làm việc cần cù, tích cực. **D.** Chú trọng đầu tư cho giáo dục.

**Câu 2.** Nhật Bản nằm ở vị trí nào sau đây?

**A.** Bắc Á. **B.** Tây Á. **C.** Đông Á. **D.** Nam Á.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây  **không đúng** về đồng bằng của Nhật Bản?

**A.** Chủ yếu là châu thổ. **B.** Diện tích nhỏ hẹp.

**C.** Có đất từ tro núi lửa. **D.** Nằm ở chân núi.

**Câu 4.** Nhật Bản **không** phải là một đất nước

**A.** giàu có tài nguyên khoáng sản. **B.** có 4 đảo lớn từ bắc xuống nam.

**C.** quần đảo, trải ra hình vòng cung. **D.** có hàng ngàn đảo nhỏ gần bờ.

**Câu 5.** Nhật Bản **không** phải là nước có

**A.** đồng bằng ven biển nhỏ hẹp. **B.** địa hình chủ yếu là đồi núi.

**C.** nhiều sông ngòi ngắn,dốc. **D.** nhiều quặng đồng, than đá.

**Câu 6.** Đặc tính nào sau đây nổi bật đối với người dân Nhật Bản?

**A.** Tinh thần trách nhiệm tập thể cao. **B.** Tập trung nhiều vào các đô thị.

**C.** Tuổi thọ dân cư ngày càng cao. **D.** Người già ngày càng nhiều.

**Câu 7.** Khí hậu phía nam Nhật Bản phân biệt với phía bắc bởi

**A.** nhiệt độ thấp và ít mưa. **B.** có nhiều tuyết về mùa đông.

**C.** mùa hạ nóng, mưa to và bão. **D.** mùa đông kéo dài, lạnh.

**Câu 8.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho phần lớn dân cư Nhật Bản tập trung ở các thành phố ven biển?

**A.** Địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hoà.

**B.** Đồng bằng rộng, đất đai màu mỡ.

**C.** Nguồn nước dồi dào, ít có thiên tai.

**D.** Đường bờ biển dài, nhiều vùng, vịnh;

**Câu 9.** Nơi dòng biển nóng và lạnh gặp nhau ở vùng biển Nhật Bản thường tạo nên

**A.** động đất thường xuyên. **B.** ngư trường lớn.

**C.** bão lớn hàng năm. **D.** sóng thần dữ dội.

**Câu 10.** Phát biểu nào sau đây  **không đúng** với thiên nhiên của Nhật Bản?

**A.** Có khí hậu nhiệt đới. **B.** Địa hình chủ yếu là núi.

**C.** Sông ngòi ngắn, dốc. **D.** Đồng bằng ven biển nhỏ.

**Câu 11.** Khó khăn chủ yếu nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế của Nhật Bản là

**A.** khí hậu ôn đới gió mùa. **B.** Nhiều đảo cách xa nhau.

**C.** bờ biển dài, nhiều vùng vịnh. **D.** trữ lượng khoáng sản rất ít.

**Câu 12.** Đặc điểm nổi bật của dân cư Nhật Bản là:

**A.** dân số không đông. **B.** tập trung ở miền núi.

**C.** tốc độ gia tăng cao. **D.** cơ cấu dân số già.

**Câu 13.** Phát biểu nào sau đây  **không đúng** về dân cư Nhật Bản?

**A.** Tỉ lệ người già ngày càng lớn.

**B.** Tỉ suất gia tăng tự nhiên dân số cao.

**C.** Phần lớn dân ở các đô thị ven biển.

**D.** Nhật Bản là một nước đông dân.

**Câu 14.** Đảo có diện tích lớn nhất Nhật Bản là

**A.** Hôn-su. **B.** Xi-cô-cư. **C.** Kiu-xiu. **D.** Hô-cai-đô.

**Câu 15.** Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn đã gây khó khăn chủ yếu nào sau đây đối với Nhật Bản?

**A.** Thu hẹp thị trường tiêu thụ, mở rộng dịch vụ an sinh.

**B.** Thu hẹp thị trường tiêu thụ, gia tăng sức ép việc làm.

**C.** Thiếu nguồn lao động, chi phí phúc lợi xã hội lớn.

**D.** Thiếu nguồn lao động, phân bố dân cư không hợp lý.

**Câu 16.** Đặc điểm nào sau đây  **không đúng** với biển Nhật Bản?

**A.** Có trữ lượng dầu mỏ tương đối lớn.

**B.** Đường bờ biển dài, vùng biển rộng.

**C.** Có ngư trường lớn với nhiều loài cá.

**D.** Ven biển có nhiều vùng, vịnh, đảo.

**Câu 17.** Đất nước Nhật Bản có

**A.** ít vũng vịnh, nhiều dòng biển nóng. **B.** vùng biển rộng, đường bờ biển dài.

**C.** nhiều dòng biển nóng, nhiều đảo. **D.** đường bờ biển dài, có ít vùng vịnh.

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây  **không đúng** với khí hậu của Nhật Bản?

**A.** Có sự khác nhau theo mùa. **B.** Lượng mưa tương đối cao.

**C.** Thay đổi từ bắc xuống nam. **D.** Chủ yếu là khí hậu nhiệt đới.

**Câu 19.** Đảo nằm ở phía bắc của Nhật Bản là

**A.** Xi-cô-cư. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Kiu-xiu. **D.** Hôn-su.

**Câu 20.** Khó khăn chủ yếu nhất của dân cư Nhật Bản đối với phát triển kinh tế **không** phải là

**A.** phần lớn dân cư phân bố ven biển

**B.** cơ cấu dân số già, trên 65 tuổi nhiều.

**C.** tỷ suất tăng dân số tự nhiên âm.

**D.** tốc độ tăng dân số thấp và giảm dần.

**2/ Hệ thống tranh ảnh**

| Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho báº£n Äá» Nháº­t Báº£n | https://i.pinimg.com/564x/40/01/2d/40012d20f2f322c90e955731b9bb4f18.jpg | D:\GIÁO ÁN\11\CŨ\NHAT BAN\cultủe.jpg |
| --- | --- | --- |
| https://i.pinimg.com/564x/5b/5a/eb/5b5aeb9b21fabb8ff58a8f7e514217c8.jpg | Mục này có hình ảnh của: | D:\GIÁO ÁN\11\CŨ\NHAT BAN\earthquake in Japan on March 11,2011.jpg |
| Tokyo, Nhật Bản | Núi Phú Sĩ | Động đất ngày 11/3/2011 |
| D:\GIÁO ÁN\11\2018\Hình ảnh Nhật Bản\hẻm núi Takachiho, tỉnh Miyazaki..jpg | D:\GIÁO ÁN\11\2018\Hình ảnh Nhật Bản\nhị thập tứ khí quý tiết.jpg | D:\GIÁO ÁN\11\2018\Hình ảnh Nhật Bản\cách sắp xếp một Hinadan (kệ búp bê).jpg |
| Hẻm núi Takachiho được hình thành từ dung nham của núi lửa Aso - là ngọn núi lửa hoạt động lớn nhất Nhật Bản và là một trong những núi lửa lớn nhất Thế giới). Theo thời gian bị xói mòn bởi sông mà tạo nên hẻm núi tuyệt đẹp được bao quanh bởi các vách đá bazan núi lửa như ngày nay. | “Nhị thập tứ khí quý tiết” là chỉ "mùa" chia một năm thành 24 phần, tức mỗi phần kéo dài khoảng 15 ngày để thấy được sự phân hóa thiên nhiên của Nhật Bản rất đa dạng theo thời gian 🡪 thuận lợi phát triển du lịch. | Lễ hội búp bê - là ngày dành cho bé gái, tổ chức hằng năm vào ngày 3 tháng 3. Lễ hội trở thành một nét văn hóa đặc trưng độc đáo trong đời sống người Nhật Bản. Còn Lễ hội Koinobori Matsuri (cá chép)– Lễ hội dành cho các bé trai |

**3/ Các link video…**

* <https://www.youtube.com/watch?v=h0_q3d1OIqo>
* <https://www.youtube.com/watch?v=7a-exVcgRS0>
* <https://www.youtube.com/watch?v=RsT6qLE0ozQ>
* <https://www.tsunagujapan.com/vi/10-popular-japanese-festivals/> 10 lễ hội (Matsuri) nổi tiếng nhất ở Nhật Bản
* <https://duhocvietnhat.edu.vn/con-nguoi-nhat-ban-nhu-the-nao/> con người Nhật Bản như thế nào? 10 nét tính cách đặc trưng của người Nhật
* <https://www.nhatbanaz.com/kham-pha-nhat-ban/le-hoi-koinobori-matsuri-le-hoi-danh-cho-cac-be-trai.html>
* <https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%85_h%E1%BB%99i_b%C3%BAp_b%C3%AA_Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n>